

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LK
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày 19-5-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LK, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Văn Thành

Ông Phan Văn Phúc

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố LK, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 19-5-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LK, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

NguY đơn: Bà Nguyễn Thị X Y, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Số 38, đường Hàm Nghi, Tổ 12B, khu phố Ruộng Hời, phường Bảo Vinh, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Lê Hoàng H, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Tổ 5, khu phố 1, phường Phú Bình, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Số 38 Hàm Nghi, Tổ 12B, khu phố Ruộng Hời, phường Bảo Vinh, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Sương, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Tổ 5, khu phố 1, phường Phú Bình, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Thanh TR, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 56/3, khu phố 2, phường Xuân Trung, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Y, ông Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Hoàng H, bà Sương, chị TR vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09-11-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26-10-2021, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguY đơn chị Nguyễn Thị X Y trình bày:

Chị Y và chị Nguyễn Thị Thanh TR là bạn bè quen biết. Qua chị TR giới thiệu, chị TR có người quen ông Lê Hoàng H có nhu cầu vay tiền nhanh và có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Sau khi kiểm tra các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị Y đồng ý cho vay và hẹn gặp ông H và thỏa thuận cho ông H vay tiền, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, vào khoảng giữa tháng 10-2019, ông Lê Hoàng H vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, có lập giấy vay tiền, không có tài sản đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, ông H có đưa cho chị Y giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 318985 do Sở Tài nguY và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02-10-2017 cho ông Lê Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh Sương, không rõ mục đích vay, các bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán, chỉ nói là khi nào cần thì chị Y báo trước cho ông H biết.

Lần thứ hai, vào ngày 07-11-2019, ông H tiếp tục thỏa thuận vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất 5,66%/tháng, các bên thỏa thuận đồng ý, nhập lần vay thứ nhất vào lần vay thứ hai để làm một giấy vay tiền mới, mục đích vay theo ông H là để mua xe ô tô kinh doanh dịch vụ. Các bên lập giấy vay tiền đề ngày 07-11-2019, toàn bộ chữ viết từ phần mục tiêu đề “Cộng Hòa Xã Hội...” đến phần mục “LK, ngày 07.11.19” là do chị TR viết, dưới phần mục “người mượn” có chữ ký và chữ viết mang tên Lê Hoàng H, là do ông H tự tay viết và ký ra. Sau khi lập giấy vay mới, các bên xé bỏ giấy vay cũ. Việc vay tiền không có tài sản đảm bảo, ông H có đưa thêm cho chị Y giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 774601 do Ủy ban nhân dân thị xã LK cấp ngày 18-12-2007 cho ông Lê Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh Sương và 01 đơn yêu cầu xóa thế chấp đề ngày 29-7-2019, thỏa thuận thời hạn thanh toán đến ngày 07-01-2020.

Cả hai lần vay, chị Y thừa nhận có nhận của ông H 01 tháng tiền lãi với số tiền là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Ngoài ra, chị Y chưa hề nhận bất cứ khoản tiền nợ gốc và tiền lãi nào khác.

Lý do lần vay thứ nhất chưa thanh toán, nhưng tiếp tục cho vay lần thứ hai do chị Y tin tưởng vào việc ông H đưa thêm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Ngoài ra, ông H còn đưa ra thông tin khác, về mục đích mua xe ô tô để kinh doanh nhưng thiếu tiền và việc vay ngân hàng thủ tục khó khăn nên chị Y hoàn toàn tin tưởng cho vay. Ngoài ra để tạo sự tin tưởng, ông H còn xác định các quyền sử dụng đất mà ông H đưa giấy chứng nhận cho chị Y giữ là không có tranh chấp và có đưa cho chị Y giữ giấy xác nhận với nội dung này.

Nguồn gốc số tiền cho vay là của chị và chồng là Huỳnh Văn H, sinh năm 1983 tích góp mà có. Việc cho vay chị Y giấu chồng, nên anh H cũng không biết thỏa thuận cho vay giữa tôi và ông Lê Hoàng H. Việc cho vay giữa chị Y và ông H, bà Sương là vợ ông H hoàn toàn không biết gì. Ngoài ra, khi cho vay, ông H

còn đưa ra thông tin, ông H và vợ đã ly hôn, không còn liên quan gì đến nhau. Do đó, chị Y không có yêu cầu gì đối với bà Sương trong vụ án này.

Nay chị Y giữ nguY yêu cầu khởi kiện, buộc ông Lê Hoàng H thanh toán số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi từ tháng 01-2020 tính đến ngày tháng 10-2021, lãi suất 10%/năm, số tiền là 52.500.000đồng. Tổng số tiền chị Y yêu cầu ông H pH thanh toán trả là: 352.500.000đ (ba trăm năm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Do bận công việc, không thể sắp xếp thời gian đến tham gia phiên tòa, nên chị Y đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời ngày 13-01-2021, lời khai tại Biên bản đối chất, bị đơn anh Lê Hoàng H trình bày:

Giữa anh và chị Y không hề quen biết gì, anh H chỉ quen chị Nguyễn Thị Thanh TR. Chị TR là người có nhu cầu vay tiền và mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích để vay tiền của chị Y.

Đến khoảng tháng 11-2019, chị TR có nói với anh là chị Y đồng ý cho vay tiền nhưng yêu cầu anh pH là người trực tiếp đứng ra ký tên trong giấy vay tiền, vì anh là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại quán cà phê Tây Đô 3, thuộc phường Xuân Thanh, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai, anh có gặp chị Y và chị TR và một người bạn của chị Y. Việc thỏa thuận vay tiền là giữa chị TR và chị Y, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, khoảng giữa tháng 11-2019, chị TR vay chị Y số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), có viết giấy tay, anh H có ký tên và chị Y giữ giấy vay, thời hạn và lãi do chị Y và chị TR thỏa thuận, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, anh H có đưa cho chị Y giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 318985 do Sở Tài nguY và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02-10-2017 cho ông Lê Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh Sương mục đích để làm tin.

Lần thứ hai, vào ngày 07-11-2019, chị Y tiếp tục cho chị TR vay số tiền 200.000.000đ, không rõ lãi suất và thời hạn vay; anh chỉ là người ký vào giấy vay tiền vì anh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi vay tiền lần thứ hai thì xé bỏ giấy vay lần vay thứ nhất để làm một giấy vay tiền mới với tổng số tiền là 300.000.000đồng. Anh H có đưa cho chị Y giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh Sương. Việc giao dịch này cũng tại quán Tây Đô 3 và có chị Y, chị TR và chị Liên. Sau khi vay, anh H không trực tiếp thanh toán lãi vì anh không vay, tuy nhiên anh có chứng kiến chị Y trừ tiền lãi 17.000.000đồng. Ông H thừa nhận chữ ký và chữ viết họ và tên Lê Hồng H trong giấy vay tiền là do ông viết và ký tên.

Nay chị Y yêu cầu anh trả số tiền trên, anh không đồng ý vì số tiền nêu trên là do chị TR là người vay tiền của chị Y.

Tại biên bản lấy lời ngày 05-3-2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H trình bày:

Anh Huỳnh Văn H là chồng của chị Nguyễn Thị X Y, về thỏa thuận vay giữa vợ anh và ông Lê Hoàng H thì anh Huỳnh Văn H không biết, sau đó anh mới được nghe chị Y kể lại.

Anh Huỳnh Văn H xác định, nguồn tiền chị Y cho vay là tài sản chung của anh và chị Y, có được từ việc tích góp tiền lương và các khoản thu nhập khác của vợ chồng.

Nay anh Huỳnh Văn H thống nhất với yêu cầu của chị Y, yêu cầu ông Lê Hoàng H pH có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh và chị Y số tiền nợ gốc 300.000.000đ và số tiền lãi 52.500.000đ. Tổng số tiền yêu cầu ông H pH thanh toán trả là: 352.500.000đ (ba trăm năm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Do bận công việc, không thể sắp xếp thời gian đến tham gia phiên tòa, nên anh Huỳnh Văn H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15-3-2021, biên bản đối chất, người làm chứng chị Nguyễn Thị Thanh TR trình bày:

Giữa chị và anh Lê Hoàng H có quen biết nhau, anh H có hỏi chị có ai cho mượn tiền thế chấp giấy tờ nhà không thì chị TR có giới thiệu chị Y cho ông H vay tiền, chị có chứng kiến việc vay tiền giữa chị Y và anh H tại quán Tây Đô 3 cụ thể:

Lần thứ nhất, khoảng giữa tháng 10 và tháng 11-2019, chị Y cho anh H vay số tiền 100.000.000đ, chị có chứng kiến, anh H là người viết giấy tay, có thỏa thuận lãi 6% tháng còn thời hạn vay chị không rõ. Anh H có đưa cho chị Y giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Lần thứ hai, vào tháng 11-2019, chị Y tiếp tục cho anh H vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất 6% tháng, chị Y có nhờ chị TR viết giấy ghi nợ, anh H đưa thêm một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Y giữ. Chị Y, đưa cho ông H 200.000.000đ và anh H, chị Y có nhờ chị đếm tiền hộ. Ngoài ra, chị có chứng kiến chị Y trừ tiền lãi 17.000.000đ.

Chị khẳng định chị là người chứng kiến việc vay mượn giữa ông H và chị Y, chị không vay tiền của chị Y như ông H trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh Sương mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo bổ sung tư cách tham gia tố tụng và các văn bản tố tụng khác, nhưng quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến, yêu cầu, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, kiến nghị Tòa án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký

phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. NguY đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh Sương chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do tòa án thu thập được, việc yêu cầu khởi kiện của nguY đơn là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguY đơn, buộc ông Lê Hoàng H có nghĩa vụ thanh toán trả số tiền 352.500.000đồng (ba trăm năm mươi hai triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị X Y. Về án phí: Bị đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị X Y khởi kiện yêu cầu ông Lê Hoàng H thanh toán nợ trong hợp đồng vay tài sản, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Hoàng H có nơi cư trú tại: Tổ 5, khu phố 1, phường Phú Bình, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai, do đó tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố LK theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: NguY đơn bà Y, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Hoàng H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh Sương đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Trong vụ án, các đương sự không có ai yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nội dung vụ án: NguY đơn bà Nguyễn Thị X Y yêu cầu ông Lê Hoàng H thanh toán số tiền nợ gốc 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi từ tháng 01-2020 đến ngày tháng 10-2021, lãi suất 10%/năm, số tiền là 52.500.000đồng. NguY đơn xuất trình giấy vay tiền, có chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Lê Hoàng H. Ông Lê Hoàng H thừa nhận, chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Lê Hoàng H tại giấy vay tiền đúng là chữ ký, chữ viết do ông tự tay viết và ký ra. Do đó, đây là tình tiết không pH chứng minh theo quy định tại 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn ông H cho rằng, mặc dù chữ viết, chữ ký tại giấy vay tiền là của ông, nhưng người vay tiền là chị Nguyễn Thị Thanh TR, lời khai của ông H không được nguY đơn và người làm chứng bà TR thừa nhận. Tòa án đã yêu cầu ông H giao nộp chứng cứ để chứng minh việc thỏa thuận vay là giữa bà TR và bà Y nhưng ông H không giao nộp, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của đương

sự. Do đó, lời khai phản đối của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguY đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: Trên cơ sở lời khai và các tài liệu do các đương sự xuất trình, có căn cứ để xác định, thỏa thuận vay tại văn bản có tiêu đề “Giấy mượn tiền” đề ngày 07-11-2019, giữa ông Lê Hoàng H, bà Nguyễn Thị X Y, người làm chứng Nguyễn Thị Thanh TR, nội dung ông H vay của chị Y số tiền 300.000.000đ là có thật. Thời hạn thanh toán được các bên thỏa thuận đến ngày 07-01-2020, quá thời hạn vay, ông H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguY đơn, về việc buộc bị đơn pH trả số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

[6] Đối với yêu cầu thanh toán số tiền lãi: Hợp đồng vay giữa các bên có thỏa thuận về lãi suất (bị đơn xác định lãi suất 6%, nguY đơn xác định lãi suất 5%). Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên bà Y yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ tháng 01-2020 đến tháng 10-2021, với lãi suất 10%/năm (0,833%/tháng) là phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. NguY đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán lãi kể từ tháng 11-2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 774601 do Ủy ban nhân dân thị xã LK cấp ngày 18-12-2017 cho ông Lê Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh Sương và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 318985 do Sở tài nguY và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02-10-2017 cho ông Lê Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh Sương. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho ông H về quyền yêu cầu phản tố để đòi lại các giấy chứng nhận quyền đã đưa cho bà Y. Tuy nhiên, ông H, bà Sương không có ý kiến cũng như không có yêu cầu giải quyết đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đã đưa cho bà Yến, nên Tòa án không xem xét.

[8] Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguY đơn, buộc ông Lê Hoàng H có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị X Y và ông Huỳnh Văn H tổng số tiền tiền 352.500.000đồng(bà trăm năm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 300.000.000đ và số tiền lãi là 52.500.000đ.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguY đơn được chấp nhận toàn bộ nên buộc bị đơn pH nộp án phí theo quy định.

[10] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các điều 357, 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

TuY xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X Y, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Lê Hoàng H.

1. Buộc ông Lê Hoàng H có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị X Y và ông Huỳnh Văn H tổng số tiền là 352.500.000đồng (Ba trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 52.500.000đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; trường hợp không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Lê Hoàng H pH nộp 17.625.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) (352.500.000đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị X Y số tiền tạm ứng án phí 8.812.500đ (Tám triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) theo các biên lai thu tiền số 0008075 ngày 12-11-2020 và số 0005084 ngày 02-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LK.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố LK;
- Chi cục THA thành phố LK;
- Các đương sự (để thi hành);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

Nguyễn Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

